

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 194 /QĐ-ĐHL

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng Giấy khen cho sinh viên khóa 41 hệ chính quy Đạt kết quả tốt nghiệp loại Xuất sắc, loại Giỏi trong toàn khóa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Luật thuộc Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Đại học Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Luật nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Giấy khen cho 181 sinh viên khóa 41 hệ chính quy (2017-2021), Đạt kết quả tốt nghiệp loại Xuất sắc, loại Giỏi trong toàn khóa học. Trong đó:

- 05 sinh viên loại Xuất sắc;
- 176 sinh viên loại Giỏi.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Kèm theo Giấy khen, mỗi sinh viên tốt nghiệp loại Xuất sắc được thưởng 500.000đ, tốt nghiệp loại Giỏi được thưởng 200.000đ. Tiền thưởng chi từ quỹ khen thưởng sinh viên của Nhà trường.

Điều 3. Trưởng phòng: Công tác sinh viên, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



Đoàn Đức Lương

DANH SÁCH

**Sinh viên khóa 41 hệ chính quy được Hiệu trưởng tặng Giấy khen tốt nghiệp
loại Xuất sắc, loại Giỏi trong toàn khóa học**

(Kèm theo Quyết định số: 104/QĐ-ĐHL ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng)

I. SINH VIÊN TỐT NGHIỆP LOẠI XUẤT SẮC

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành – Chuyên ngành	Điểm TBC
1	17A5011520	Phan Thị Kim Phú	29-03-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.61
2	17A5021478	Phạm Thị Phương Anh	02-11-1999	Nữ	Ngành Luật Kinh tế	3.67
3	17A5021308	Hồ Như Phượng	28-11-1999	Nữ	Ngành Luật Kinh tế	3.61
4	17A5021304	Nguyễn Thị Thu Phương	29-10-1999	Nữ	Ngành Luật Kinh tế	3.60
5	17A5021277	Nguyễn Thị Trang Nhung	16-11-1999	Nữ	Ngành Luật Kinh tế	3.60

(Danh sách này có 05 sinh viên)

II. SINH VIÊN TỐT NGHIỆP LOẠI GIỎI

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành – Chuyên ngành	Điểm TBC
1	17A5011286	Trần Thị Kiều Khanh	07-06-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.57
2	17A5011819	Trần Thị Ngọc Ý	27-12-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.57
3	17A5011119	Nguyễn Thị Hoa Đào	18-05-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.56
4	17A5011307	Đinh Tuấn Kiệt	01-09-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LDS	3.51
5	17A5011273	Nguyễn Thị Hưng	12-03-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.46
6	17A5011491	Nguyễn Thị Út Nhi	19-09-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.43
7	17A5011160	Nguyễn Thị Hà	05-03-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.42
8	17A5011502	Nguyễn Thị Kim Nhung	21-10-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.42
9	17A5011727	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	16-03-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.42
10	17A5011509	Trịnh Thị Mi Ni	28-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.41
11	17A5011396	Thiều Thị Khánh Ly	01-11-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.41
12	17A5011050	Hồ Tất Cảnh	03-05-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LDS	3.40
13	17A5011302	Lê Thị Hồng Kiên	14-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.39
14	17A5011247	Hoàng Phi Huy	16-02-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LDS	3.39
15	17A5011304	Bùi Thị Kiều	28-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.38
16	17A5011682	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	04-03-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.37
17	17A5011723	Đoàn Thị Hoài Trinh	28-09-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.37
18	17A5011305	Nguyễn Thị Bích Kiều	12-10-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.36

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành – Chuyên ngành	Điểm TBC
19	17A5011395	Thân Thị Ly Ly	16-09-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.36
20	17A5011204	Nguyễn Kiều Thanh Hiếu	09-01-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LDS	3.35
21	17A5011130	Trương Quốc Đạt	06-03-1998	Nam	Ngành Luật - CN. LDS	3.34
22	17A5011176	Bùi Võ Thu Hảo	22-05-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.33
23	17A5011121	Trần Thị Hồng Đào	28-11-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.33
24	17A5011044	Dương Thị Thanh Bình	03-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.32
25	17A5011458	Trần Thị Ngọc	08-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.32
26	17A5011769	Lê Mai Nhật Uyên	01-03-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.32
27	17A5011150	Hồ Thị Trúc Giao	21-06-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.28
28	17A5011122	Vũ Thị Đào	19-08-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.28
29	17A5011200	Nguyễn Thị Hiền	20-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.28
30	17A5011845	Hồ Thị Trang	18-10-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.26
31	17A5011513	Nguyễn Phương Oanh	17-11-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.26
32	17A5011730	Thái Thùy Trinh	01-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.26
33	17A5011609	Nguyễn Thị Thảo	04-11-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.26
34	17A5011475	Nguyễn Văn Nhân	11-12-1997	Nam	Ngành Luật - CN. LDS	3.25
35	17A5011193	Nguyễn Thị Thanh Hằng	30-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.25
36	17A5011397	Trần Thị Ngọc Ly	27-05-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.25
37	17A5011185	Bùi Việt Hằng	20-07-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.24
38	17A5011595	Nguyễn Thị Thao	28-05-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.23
39	17A5011316	Trần Thị Lành	19-09-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LDS	3.23
40	17A5011096	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	02-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.55
41	17A5011481	Dương Thị Mỹ Nhi	01-07-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.51
42	17A5011334	Đàm Thị Tú Linh	26-12-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.50
43	17A5011177	Võ Thị Thanh Hảo	08-05-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.47
44	17A5011467	Bùi Thị Nhanh	13-07-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.46
45	17A5011536	Trần Thị Phượng	23-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.43
46	17A5011605	Hồ Thị Phương Thảo	06-12-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.43
47	17A5011488	Nguyễn Thị Hồng Nhi	05-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.41
48	17A5011102	Nguyễn Thị Thuý Duyên	19-11-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.36
49	17A5011452	Hoàng Như Ngọc	22-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.36
50	17A5011658	Trần Thị Minh Thúy	27-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.36
51	17A5011107	Nguyễn Anh Dũng	06-06-1997	Nam	Ngành Luật - CN. LHC	3.35
52	17A5011438	Lê Thị Hằng Nga	02-07-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.35
53	17A5011309	Trương Thị Trọng Kim	18-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.33

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành – Chuyên ngành	Điểm TBC
54	17A5011784	Lê Thị Kim Vi	26-01-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.33
55	17A5012002	La Lan Thị Thúy	07-08-1995	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.31
56	17A5011774	Trịnh Thị Tố Uyên	18-10-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.31
57	17A5011409	Phạm Thị Mận	14-12-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.31
58	17A5011413	Nguyễn Thị Phước Minh	19-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.31
59	17A5011164	Trần Thị Thu Hà	02-02-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.29
60	17A5011162	Nguyễn Thị Bảo Hà	30-03-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.29
61	17A5011627	Phan Thị Ngọc Thắng	01-08-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.29
62	17A5011233	Hồ Thị Học	26-01-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.28
63	17A5011739	Phan Thị Huỳnh Truyền	08-11-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.27
64	17A5011440	Nguyễn Thị Nga	07-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.27
65	17A5011019	Võ Thị Kim Anh	11-07-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.26
66	17A5011083	Dương Ngọc Dung	15-06-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.26
67	17A5011664	Nguyễn Thị Thủy	08-09-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.26
68	17A5011535	Doãn Thị Bích Phượng	25-05-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.26
69	17A5011333	Cao Hoàng Linh	16-11-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.26
70	17A5011652	Nguyễn Thị Thu Thùy	16-04-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.25
71	17A5011472	Dương Thị Nhân	16-06-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.24
72	17A5011442	Trần Thị Hằng Nga	18-04-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.23
73	17A5011497	Cao Thị Nhung	26-04-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.23
74	17A5011332	RAH LAN H' LIN	20-10-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.23
75	17A5011350	Nguyễn Thị Linh	12-12-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.21
76	17A5011215	Nguyễn Thị Hoa	16-08-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.21
77	17A5011054	Hồ Thị Thanh Chi	08-08-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.21
78	17A5011087	Nguyễn Thị Thùy Dung	22-12-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.20
79	17A5011579	Lê Văn Tám	15-05-1998	Nam	Ngành Luật - CN. LHC	3.20
80	17A5011149	Trần Thị Giang	30-05-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHC	3.20
81	17A5011291	Trần Văn An Khánh	21-03-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LHS	3.52
82	17A5011404	Nguyễn Phương Mai	13-11-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.47
83	17A5011234	Ngô Thị Ánh Hồng	09-10-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.46
84	17A5011242	Phạm Thị Minh Huệ	15-03-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.45
85	17A5011764	Trần Thị Tươi	26-11-1997	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.43
86	17A5011715	Trần Phương Trà	03-09-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.41
87	16A5011257	Hà Hoàng Nhi	15-08-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.41
88	17A5011115	Trần Quốc Dương	12-05-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LHS	3.40

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành – Chuyên ngành	Điểm TBC
89	17A5011111	Huỳnh Thị Ánh Dương	02-09-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.37
90	17A5011120	Nguyễn Thị Xuân Đào	18-01-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.35
91	17A5011663	Lê Thị Thủy	08-11-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LHS	3.29
92	17A5011182	Lê Nguyễn Công Hậu	08-02-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LHS	3.28
93	17A5011068	Huỳnh Biên Cương	04-12-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LHS	3.27
94	17A5011066	Đỗ Văn Cúc	21-06-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LKT	3.41
95	17A5011503	Nguyễn Trần Cẩm Nhung	20-04-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LKT	3.40
96	17A5011750	Lê Lam Tuyền	11-07-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LKT	3.35
97	17A5011078	Phạm Văn Diên	21-05-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LKT	3.24
98	17A5011113	Nguyễn Lương Dương	24-03-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LKT	3.24
99	17A5011794	Nguyễn Quang Vinh	05-02-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LKT	3.23
100	16A5011262	Phan Thị Thùy Nhung	14-05-1998	Nữ	Ngành Luật - CN. LKT	3.23
101	17A5011357	Trần Nhật Linh	08-09-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LKT	3.20
102	17A5011529	Phan Lê Hoài Phương	17-07-1999	Nữ	Ngành Luật - CN. LKT	3.20
103	17A5011464	Phan Đình Nguyên	21-10-1999	Nam	Ngành Luật - CN. LQT	3.32
104	17A5021489	Trần Văn Hoàng	29-05-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.54
105	17A5021416	Trương Thị Thùy Trang	22-02-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.52
106	17A5021470	Huỳnh Thị Diễm Xuân	20-10-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.50
107	17A5021219	Nguyễn Thiên Lý	12-07-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.48
108	17A5021264	Lê Thị Minh Nguyệt	15-11-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.48
109	17A5021012	Phạm Thị Kim Anh	19-11-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.48
110	17A5021156	Hoàng Thị Hương	25-01-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.47
111	17A5021061	Hồ Văn Đàn	20-09-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.46
112	17A5021477	Phạm Đức Anh	24-11-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.45
113	17A5021173	Nguyễn Thị Vũ Lan	26-09-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.44
114	17A5021083	Hà Hương Giang	30-09-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.44
115	17A5021131	Nguyễn Thị Hoan	28-06-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.44
116	17A5021273	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	19-07-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.43
117	17A5021350	Trịnh Thị Thảo	06-11-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.43
118	17A5021207	Nguyễn Phi Long	22-11-1997	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.42
119	17A5021053	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	03-01-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.42
120	17A5021406	Hoàng Thị Thùy Trang	01-06-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.41
121	17A5021023	Nguyễn Quang Cảnh	16-06-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.40
122	17A5021414	Phạm Thị Huyền Trang	23-11-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.40
123	17A5021365	Trần Thị Kim Thoa	17-04-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.39

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành – Chuyên ngành	Điểm TBC
124	17A5021137	Bùi Thị Huệ	15-05-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.39
125	17A5021261	Phan Thị Minh Nguyên	04-10-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.39
126	16A5021368	Cao Ngọc Toàn	13-11-1997	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.39
127	17A5021138	Nguyễn Thị Huệ	20-06-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.38
128	17A5021067	Lê Thành Đạt	21-07-1998	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.38
129	17A5021112	Châu Thị Thu Hiền	30-04-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.37
130	17A5021349	Tân Thị Thanh Thảo	25-06-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.36
131	17A5021003	Võ Thành An	04-03-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.35
132	17A5021501	Nguyễn Đức Thịnh	05-01-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.35
133	17A5021245	Huỳnh Đặng Kim Ngân	28-06-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.34
134	17A5021153	Võ Thị Huyền	25-05-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.34
135	17A5021418	Hồ Thị Thu Trà	26-09-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.34
136	17A5021007	Lê Thị Kim Anh	24-12-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.33
137	17A5021376	Hồ Thị Minh Thúy	16-08-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.33
138	17A5021189	Bùi Hoài Linh	17-09-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.32
139	17A5021373	Hồ Thị Lệ Thủy	15-01-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.31
140	17A5021449	Phạm Thị Vân	05-02-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.31
141	17A5021211	Nguyễn Hữu Lộc	20-02-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.31
142	17A5021240	Phạm Văn Nam	26-03-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.31
143	17A5021103	Nguyễn Thúy Hậu	29-06-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.30
144	17A5021116	Trương Thị Thu Hiền	01-12-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.30
145	17A5021015	Dương Thị Ngọc Ánh	02-02-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.30
146	17A5021205	Ngô Thị Loan	05-09-1998	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.30
147	17A5021394	Bành Thị Như Thường	17-02-1998	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.29
148	17A5021144	Kpă Huyền	30-04-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.29
149	17A5021139	Nguyễn Thị Xuân Huệ	26-02-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.28
150	17A5021234	Doãn Thị Ly Na	29-08-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.28
151	17A5021488	Lê Thị Thu Hoài	19-04-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.28
152	17A5021253	Lê Thị Hồng Ngọc	10-12-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.28
153	17A5021246	Nguyễn Thị Thúy Ngân	08-09-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.27
154	17A5021018	Trần Thị Ngọc Ánh	26-02-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.27
155	17A5021306	Trịnh Thị Phương	06-03-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.27
156	17A5021328	Đào Bá Sơn	20-06-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.26
157	17A5021425	Cổ Diễm Trinh	16-05-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.26
158	17A5021413	Phan Thị Huyền Trang	10-01-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.26

STT	Mã SV	Họ và tên sinh viên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành – Chuyên ngành	Điểm TBC
159	17A5021351	Lê Thị Thắm	12-10-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.25
160	17A5021025	Phan Hoàng Châu	30-10-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.23
161	17A5021247	Phan Bích Ngân	02-10-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.23
162	17A5021111	Vũ Thị Thanh Hằng	15-06-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.23
163	17A5021212	Phùng Xuân Lộc	31-03-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.23
164	17A5021426	Phạm Thị Mỹ Trinh	10-07-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.23
165	17A5021454	Nguyễn Thị Phương Vi	09-04-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.23
166	17A5021026	Trần Thị Linh Chi	22-09-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.22
167	17A5021334	Nguyễn Thị Như Sương	05-11-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.22
168	17A5021461	Ngô Hoài Chí Vĩ	19-05-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.22
169	17A5021347	Nguyễn Thị Thảo	28-10-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.21
170	17A5021408	Ngô Hà Kiều Trang	21-09-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.21
171	17A5021342	Võ Văn Thành	10-07-1999	Nam	Ngành Luật kinh tế	3.21
172	17A5021094	Nguyễn Thị Hải Hà	02-08-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.21
173	17A5021338	Nguyễn Thị Thanh Tâm	03-04-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.21
174	17A5021223	Phạm Thị Mến	18-07-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.20
175	17A5021323	Nguyễn Thị Như Quỳnh	04-07-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.20
176	17A5021279	Huỳnh Thị Như	12-12-1999	Nữ	Ngành Luật kinh tế	3.20

(Danh sách này có 176 sinh viên)



Đoàn Đức Lương